

Thái Nguyên, ngày tháng 9 năm 2018

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: ĐỊA CHÍNH MÔI TRƯỜNG

#### I. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Tên tiếng Anh: Revolutionary Orientation and Policies of Vietnamese Communist Party
- Mã số học phần: VCP 131
- Số tín chỉ: 03
- Điều kiện tham gia học tập học phần:

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin (HP1, HP2),

Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Bộ môn: Lý luận chính trị
- Khoa: Khoa học cơ bản
- Phân bố thời gian: 9 tuần
- Học kỳ: 3 (năm 2)

Học phần thuộc khối kiến thức:

|  |                                  |                                      |                                  |                                       |                                  |
|--|----------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|
| Cơ bản <input checked="" type="checkbox"/>   |                                  | Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> |                                  | Chuyên ngành <input type="checkbox"/> |                                  |
| Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/>    | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/>     | Tự chọn <input type="checkbox"/> |

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh  Tiếng Việt

#### II. Thông tin về giảng viên:

- Họ và tên: Dương Thị Kim Huệ
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Khoa học cơ bản – Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học cơ bản – Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên – Xã Quyết Thắng – Tp Thái Nguyên.
- Điện thoại, email: duongthikimhue@tuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Kháng chiến chống Mỹ
- Thông tin về trợ giảng/ giảng viên cùng giảng dạy (nếu có) (họ và tên, điện thoại, email):

GV: 1. Phạm Tùng Hương – email: [phamtunghuong@tuaf.edu.vn](mailto:phamtunghuong@tuaf.edu.vn)

2. Ngô Thị Quang – email: [ngothi quang@tuaf.edu.vn](mailto:ngothi quang@tuaf.edu.vn)

### III. Mô tả học phần:

Nội dung của học phần là: làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam, vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị nước ta; trình bày có hệ thống về những chủ trương, đường lối của Đảng qua các thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc và thời kỳ đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong đó tập trung chủ yếu vào thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay. Cùng với đó là những bài học lịch sử, kinh nghiệm được rút ra trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng. Từ đó, thấy được sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, về mọi mặt đối với cách mạng.

### IV. Mục tiêu và chuẩn đầu ra

- Mục tiêu:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quá trình ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam, nội dung chính các đường lối của Đảng để lãnh đạo cách mạng Việt Nam trên những phương diện: đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng, phân tích, đánh giá nội dung và hiệu quả của đường lối để chủ động, tích cực nhận thức những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

| Mã HP  | Tên HP                        | Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
|--------|-------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
|        |                               | 1   | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| VCP131 | Đường lối cách mạng của ĐCSVN | a   | - | c | - | - | - | - | - | b | -  | a  | a  |

Ghi chú:

- a: mức đáp ứng cao
- b: mức đáp ứng trung bình
- c: mức đáp ứng thấp
- không đáp ứng

- Chuẩn đầu ra của học phần (theo thang đo năng lực của Bloom):

| Ký hiệu | Chuẩn đầu ra của học phần                         | CDR của CTĐT |
|---------|---|--------------|
|         | Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được |              |
|         | Kiến thức   |              |

|                                     |   |            |
|-------------------------------------|---|------------|
| K 1                                 | Định nghĩa về “Đường lối cách mạng của ĐCSVN”, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa môn học.  | 1          |
| K 2                                 | Biết được quá trình Đảng ra đời và phương thức Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình.  | 1          |
| K 3                                 | Hiểu được vai trò của Đảng CSVN trong hệ thống chính trị nước ta.   | 1          |
| K 4                                 | Hiểu được hệ thống chủ trương của Đảng để lãnh đạo CMVN trên những phương diện cơ bản: đấu tranh GPDT, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại.  | 1          |
| K 5                                 | Áp dụng kiến thức vào cuộc sống hàng ngày, phân tích lựa chọn giải pháp đúng đắn về các vấn đề xã hội, sự kiện đang diễn ra, nhất là những sự kiện, vấn đề có tác động mạnh đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, đến bản thân. | 1, 11,12   |
| <b>Kĩ năng</b>                      |   |            |
| K 6                                 | Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.  | 9          |
| K 7                                 | Tự tin thuyết trình trước đám đông  | 9          |
| K 8                                 | Có thể phản biện khoa học những nhận định sai về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.  | 1, 9,11,12 |
| <b>Thái độ và phẩm chất đạo đức</b> |   |            |
| K 9                                 | Thái độ học tập, ứng xử tích cực. Tự giác và chủ động cao trong học tập, làm việc độc lập và thực hiện nhiệm vụ nhóm.   | 3,11,12    |
| K 10                                | Tin tưởng vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.  | 1          |
| K 11                                | Quan tâm đến các vấn đề xã hội, nhận thức được trách nhiệm đóng góp của bản thân đối với xã hội.  | 1,11,12    |
| K 12                                | Xây dựng được thái độ sống tích cực, có niềm tin vào những giá trị tốt đẹp, biết lên án những hành động xấu, phản khoa học, biết hành động để lan tỏa những việc tốt ra cộng đồng.  | 1,11,12    |

## V. Phương pháp giảng dạy và học tập

### 1. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình nêu vấn đề
- Đàm thoại
- Tổ chức học tập theo nhóm

### 2. Phương pháp học tập

- Sinh viên chuẩn bị bài
- Sinh viên nghe giảng, thảo luận nhóm.
- Sinh viên phát biểu, đặt câu hỏi.

## VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

✓ Đối với giờ lý thuyết: Sinh viên tham gia ít nhất 80% số lượng tiết giảng.

- Chuẩn bị cho bài giảng: sinh viên đọc trước bài giảng và tài liệu liên quan do giảng viên cung cấp, tự tìm hiểu các vấn đề liên quan tới giờ học, chuẩn bị các câu hỏi liên quan tới bài học.
- Thái độ: tích cực tham gia thảo luận, xây dựng bài, đặt câu hỏi những vấn đề chưa hiểu, chăm chỉ hoàn thành bài tập được giao.

## VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10
2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

**Bảng 1. Ma trận đánh giá CDR của học phần**

| Các CDR của học phần | Chuyên cần | Giữa kỳ            | Cuối kỳ               |
|----------------------|------------|--------------------|-----------------------|
|                      | (20%)      | Bài kiểm tra (30%) | Thi trắc nghiệm 50(%) |
| 1                    | ✓          |                    | ✓                     |
| 2                    | ✓          | ✓                  | ✓                     |
| 3                    | ✓          |                    | ✓                     |
| 4                    | ✓          | ✓                  | ✓                     |
| 5                    | ✓          |                    |                       |
| 6                    | ✓          |                    |                       |
| 7                    | ✓          |                    |                       |
| 8                    | ✓          |                    |                       |
| 9                    | ✓          | ✓                  | ✓                     |
| 10                   | ✓          |                    |                       |
| 11                   | ✓          |                    | ✓                     |
| 12                   | ✓          |                    |                       |

**Bảng 2. Rubric đánh giá học phần**

| TIÊU CHÍ                                    | TRỌNG SỐ | TỐT (8,5-10)                                       | KHÁ (7,0-8,4)  | TRUNG BÌNH (5,5-6,9)                                       | TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)                                  | KÉM <4,0   |
|---|----------|--|--|--|---|--|
| Tham dự các buổi học lý thuyết và thảo luận | 80%      | Tham dự đầy đủ các buổi học lý thuyết và thảo luận | Tham dự khoảng 70%-84% các buổi học lý thuyết và thảo luận | Tham dự khoảng 55%-69% các buổi học lý thuyết và thảo luận | Tham dự khoảng 41-54% các buổi học lý thuyết và thảo luận | Tham dự khoảng 20%-40% các buổi học lý thuyết và thảo luận |
| Thái độ học giờ lý                          | 20%      | Tích cực phát biểu xây dựng                        | Tương đối tích cực phát biểu                               | Chưa tích cực phát biểu xây                                | Chỉ tham dự lớp học nhưng                                 | Không hiểu bài và không                                    |

|                            |  |   |  |   |   |   |
|----------------------------|--|---|--|---|---|---|
| <b>thuyết và thảo luận</b> |  | bài. Xung phong làm bài tập và làm tốt bài tập xung phong. Không làm việc riêng trong giờ học | xây dựng và có tinh thần xung phong làm bài tập tuy nhiên chất lượng câu trả lời chưa cao. | dựng và xung phong làm bài tập. Giáo viên chỉ định mới trả lời. 3 lần làm việc riêng trong giờ học. | không tham gia phát biểu. 5 lần làm việc riêng trong giờ học. | trả lời được câu hỏi liên quan đến bài cũ. Thường xuyên làm việc riêng trong giờ học. |
|----------------------------|--|---|--|---|---|---|

### Rubric 2: Đánh giá giữa kỳ

| <b>TIÊU CHÍ</b>  | <b>TRỌNG SỐ</b> | <b>TỐT (8,5-10)</b>  | <b>KHÁ (7,0-8,4)</b>   | <b>TRUNG BÌNH (5,5-6,9)</b>  | <b>TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)</b>  | <b>KÉM &lt;4,0</b>  |
|--|-----------------|--|--|--|--|---|
| <b>Hiểu và vận dụng kiến thức 4 chương: I,II,III để làm bài kiểm tra</b> | 100%            | Hiểu >85% kiến thức của 3 chương I,II,III. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70% - 84% kiến thức của 3 chương I,II,III. Có khả năng vận dụng 80% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%-69% kiến thức của 3 chương I,II,III. Có khả năng vận dụng 50% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của 3 chương I,II,III. Có khả năng vận dụng 30% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40% kiến thức của 3 chương I,II,III. Chưa có khả năng vận dụng các kiến thức của môn để trả lời câu hỏi |

### Rubric 3: Đánh giá cuối kỳ

| <b>TIÊU CHÍ</b>                   | <b>TRỌNG SỐ</b> | <b>TỐT (8,5-10)</b>      | <b>KHÁ (7,0-8,4)</b>      | <b>TRUNG BÌNH (5,5-6,9)</b> | <b>TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)</b> | <b>KÉM &lt;4,0</b> |
|-----------------------------------|-----------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------------------|--------------------|
| <b>Hiểu và vận dụng kiến thức</b> | 100%            | Nắm vững những >85% kiến | Nắm 70%-80% kiến thức nền | Nắm 50-60% kiến thức nền    | Nắm 40-50% kiến thức nền        | Nắm <40%           |

|   |  |   |  |  |  |  |
|---|--|---|--|--|--|--|
| <b>nền của môn học để làm bài thi trắc nghiệm</b> |  | thức của môn học. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | tăng của môn học. Có khả năng vận dụng 80% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi. | tăng của môn học. Có khả năng vận dụng 50% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi. | tăng của môn học. Có khả năng vận dụng 30% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi. | kiến thức nền tảng của môn học. Chưa có khả năng vận dụng các kiến thức của môn để trả lời câu hỏi |
|---|--|---|--|--|--|--|

### VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

- Sách giáo trình/Bài giảng: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2017.
- Tài liệu tham khảo khác:
  - [1] Nguyễn Đức Bình, Một số vấn đề về công tác lý luận tư tưởng và văn hoá, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
  - [2] Bùi Thị Thu Hà (chủ biên), Giang Thiệu Thanh, Nam Hải, Mười một kỳ đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam: Những mốc son chói lọi, tập 1,2, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2011.
  - [3] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 75 năm Đảng Cộng Sản Việt Nam, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2005.
  - [4] Đặng Xuân Kỳ, Mạch Quang Thắng, Nguyễn Văn Hoà, Một số vấn đề về xây dựng Đảng hiện nay, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
  - [5] Nguyễn Văn Sáu, Chủ trương của Đảng về xây dựng phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, 2013.

### IX. Nội dung chi tiết của học phần :

| <b>Nội dung</b>   | <b>CDR chi tiết</b> | <b>Hoạt động dạy và học</b> | <b>Hoạt động đánh giá</b> | <b>CDR học phần</b> |
|---|---------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------|
| <b>CHƯƠNG MỞ ĐẦU: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI</b> |                     |                             | R1,2,3                    | 1, 3                |

|   |  |  |        |             |
|---|--|--|--------|-------------|
| <p><b>CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</b></p> <p>0.1 Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu</p> <p>0.1.1 Đối tượng nghiên cứu</p> <p>0.1.2 Nhiệm vụ nghiên cứu</p> <p>0.2 Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học</p> <p>0.2.1 Phương pháp nghiên cứu</p> <p>0.2.2 Ý nghĩa việc học tập môn học</p>   | <p>- Định nghĩa môn “Đường lối cách mạng của ĐCSVN</p> <p>- Biết được ý nghĩa môn học</p>  | <p>- Nghe giảng</p> <p>- Phát biểu ý kiến</p>  |        |             |
| <p><b>Chương 1: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG</b></p> <p>1.1 Hoàn cảnh lịch sử sự ra đời của Đảng CSVN</p> <p>1.1.1 Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX</p> <p>1.1.2 Hoàn cảnh trong nước</p> <p>1.2 Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>1.2.1 Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.2.2 Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.2.3 Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> | <p>- Trình bày sự ra đời tất yếu của ĐCSVN</p> <p>- Trình bày nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>- Phân tích ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Cương lĩnh đối với tình hình đất nước hiện nay.</p>  | <p>- Nghe giảng</p> <p>- Phát biểu ý kiến</p> <p>- Thảo luận</p> <p>- Thuyết trình</p> | R1,2,3 | 1,3,9,11,12 |
| <p><b>Chương 2: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)</b></p> <p>2.1 Chủ trương đấu tranh từ năm 1930- 1939</p> <p>2.1.1 Trong những năm 1930 – 1935</p> <p>2.1.2 Trong những năm 1936 – 1939</p> <p>2.2 Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945</p> <p>2.2.1 Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng</p>  | <p>- Trình bày nội dung Luận cương chính trị</p> <p>- So sánh giá trị thực tiễn của Cương lĩnh chính trị và Luận cương chính trị đối với cách mạng Việt Nam.</p> <p>- Khái quát đường lối đấu tranh giành chính quyền của Đảng giai đoạn 1930-1945</p> <p>- Hiểu được kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám.</p> <p>- Vận dụng những bài học kinh nghiệm của 15 năm giành chính</p> | <p>- Nghe giảng</p> <p>- Phát biểu ý kiến</p> <p>- Thảo luận</p> <p>- Thuyết trình</p> | R1,2,3 | 1,3,9,11,12 |

|  |   |  |               |                    |
|--|---|--|---------------|--------------------|
| <p>2.2.2 Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền</p>  | <p>quyền vào tình hình đất nước hiện nay.</p>   |  |               |                    |
| <p><b>CHƯƠNG 3: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975)</b><br/> 3.1 Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)<br/> 3.1.1 Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)<br/> 3.1.2 Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)<br/> 3.1.3 Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm<br/> 3.2 Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thống nhất Tổ quốc (1954 - 1975)<br/> 3.2.1 Đường lối trong giai đoạn 1954-1964<br/> 3.2.2 Đường lối trong giai đoạn 1965 – 1975<br/> 3.2.3 Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm</p> | <p>- Trình bày chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)<br/> - Trình bày đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954 và đế quốc Mỹ (1954-1975)<br/> - Hiểu được kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của 2 cuộc kháng chiến.<br/> - Vận dụng những bài học kinh nghiệm của 2 cuộc kháng chiến vào tình đất nước hiện nay.</p> | <p>- Nghe giảng<br/> - Phát biểu ý kiến<br/> - Thảo luận<br/> - Thuyết trình</p> | <p>R1,2,3</p> | <p>1,3,9,11,12</p> |
| <p><b>CHƯƠNG 4: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ</b><br/> 4.1 Đường lối công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới<br/> 4.1.1 Mục tiêu và phương hướng công nghiệp hóa<br/> 4.1.2 Đánh giá sự thực hiện đường lối công nghiệp hóa<br/> 4.2 Công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới<br/> 4.2.1 Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa<br/> 4.2.2 Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa<br/> 4.2.3 Định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm tới</p>   | <p>- Hiểu và đánh giá được đường lối công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới<br/> - Trình bày mục tiêu, quan điểm, định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới.<br/> - Vận dụng kiến thức vào thực tiễn ngành học trong thời đại 4.0.</p>  | <p>- Nghe giảng<br/> - Phát biểu ý kiến<br/> - Thảo luận<br/> - Thuyết trình</p> | <p>R1,2,3</p> | <p>1,3,9,11,12</p> |



|   |   |   |      |             |
|---|---|---|------|-------------|
| 4.2.4 Kết quả và nguyên nhân  |   |   |      |             |
| <p><b>CHƯƠNG 5: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</b></p> <p>5.1 Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường</p> <p>5.1.1 Cơ chế quản lý kinh tế thời kì trước đổi mới</p> <p>5.1.2 Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kì đổi mới</p> <p>5.2 Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta</p> <p>5.2.1 Mục tiêu và quan điểm cơ bản</p> <p>5.2.2 Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</p> <p>5.2.3 Kết quả và nguyên nhân</p>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và đánh giá được đường lối xây dựng nền kinh tế thời kỳ trước đổi mới.</li> <li>- Đánh giá được bản chất của nền kinh tế thị trường. So sánh với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà nước ta xây dựng.</li> <li>- Nhận thức được những kết quả, ý nghĩa của đường lối giai đoạn hiện nay.</li> <li>- Phân tích được tác động của thị trường với ngành học.</li> <li>- Áp dụng kiến thức vào tình hình thực tế.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Phát biểu ý kiến</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thuyết trình</li> </ul> | R1,3 | 1,3,9,11,12 |
| <p><b>CHƯƠNG 6: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</b></p> <p>6.1 Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945 -1985)</p> <p>6.1.1 Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945-1954)</p> <p>6.1.2 Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954-1975)</p> <p>6.1.3 Hệ thống chuyên chính vô sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975-1985)</p> <p>6.2 Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới</p> <p>6.2.1 Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị</p> <p>6.2.2 Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới</p> <p>6.2.3 Đánh giá sự thực hiện đường lối</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và đánh giá được đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới.</li> <li>- Hiểu được hệ thống chính trị nước ta hiện nay. Vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị.</li> <li>- Trình bày mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.</li> <li>- Vận dụng kiến thức vào tình hình thực tế.</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Phát biểu ý kiến</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thuyết trình</li> </ul> | R1,3 | 1,3,9,11,12 |

|   |   |   |      |             |
|---|---|---|------|-------------|
| <p><b>CHƯƠNG 7: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI</b></p> <p>7.1 Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá</p> <p>7.1.1 Thời kỳ trước đổi mới</p> <p>7.1.2 Trong thời kỳ đổi mới</p> <p>7.2 Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội</p> <p>7.2.1 Thời kỳ trước đổi mới</p> <p>7.2.2 Trong thời kỳ đổi mới</p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và đánh giá được đường lối xây dựng phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội thời kỳ trước đổi mới.</li> <li>- Phân tích một số chủ trương, chính sách lớn về phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội giai đoạn hiện nay.</li> <li>- Vận dụng chủ trương của Đảng vào thực tế đời sống.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Phát biểu ý kiến</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thuyết trình</li> </ul> | R1,3 | 1,3,9,11,12 |
| <p><b>CHƯƠNG 8: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI</b></p> <p>8.1 Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986</p> <p>8.1.1 Hoàn cảnh lịch sử</p> <p>8.1.2 Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng</p> <p>8.1.3 Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p> <p>8.2 Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới</p> <p>8.2.1 Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối</p> <p>8.2.2 Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế</p> <p>8.2.3 Kết quả và nguyên nhân</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và đánh giá được đường lối đối ngoại thời kỳ trước đổi mới.</li> <li>- Phân tích một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.</li> <li>- Vận dụng quan điểm đối ngoại của Đảng để giải quyết các vấn đề của cuộc sống.</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Phát biểu ý kiến</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thuyết trình</li> </ul> | R1,3 | 1,3,9,11,12 |

**X. Hình thức tổ chức dạy học :**

| Nội dung      | Hình thức tổ chức dạy học môn học (tiết) |         |           |           |        | Tổng |
|---------------|--|---------|-----------|-----------|--------|------|
|               | Lý thuyết                                | Bài tập | Thảo luận | Thực hành | Tự học |      |
| Chương mở đầu | 1  | 0       | 1         | 0         | 2      | 3    |
| Chương I      | 5  | 0       | 0         | 0         | 10     | 15   |
| Chương II     | 4  | 0       | 1         | 0         | 10     | 15   |
| Chương III    | 6  | 0       | 1         | 0         | 14     | 21   |
| Chương IV     | 4  | 0       | 1         | 0         | 10     | 15   |
| Chương V      | 5  | 0       | 1         | 0         | 12     | 18   |
| Chương VI     | 4  | 0       | 1         | 0         | 10     | 15   |
| Chương VII    | 4  | 0       | 2         | 0         | 12     | 18   |
| Chương VIII   | 4  | 0       | 1         | 0         | 10     | 15   |

|      |    |   |   |   |    |     |
|------|----|---|---|---|----|-----|
| Tổng | 36 | 0 | 9 | 0 | 90 | 135 |
|------|----|---|---|---|----|-----|

**XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

- Phòng học, thực hành: Phòng học với sĩ số <80 sv
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Micro, máy chiếu, bảng.

*Thái Nguyên, ngày      tháng      năm 2018*

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*PGS.TS Nguyễn Thị Dung*

*ThS Dương Thị Kim Huệ*

*ThS Dương Thị Kim Huệ  
ThS Phạm Tùng Hương*